

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HS-ST

Ngày 13-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Trịnh Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Nửa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/HSST-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo: Phan Thanh C, sinh năm 1992 tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Me và bà Nguyễn Thị Hằng; có vợ tên Phạm Kim Th; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 24/01/2018, tạm giam ngày 30/01/2018 “có mặt”.

- Bị hại: Ông Phạm Nhật T, sinh năm 1956 “có mặt”.

Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1962 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Phan Vũ Tấn T1, sinh ngày 01/01/2000 “vắng mặt”.

Anh Phạm Văn K, sinh năm 1997 “vắng mặt”.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Anh Nguyễn Văn Út X, sinh năm 1969 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: Khóm G, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 15/01/2018 Phan Thanh C dùng tay mở cửa tủ quần áo trong nhà của ông Phạm Nhật T và bà Trần Thị Ch tại ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau lấy số tiền 87.500.000 đồng. Khi lấy được tiền thì Phan Thanh C đi về huyện Đầm Dơi và gặp anh Phan Vũ Tấn T1 và gửi cho anh T1 60.000.000 đồng, khoảng 4 giờ sau thì Phan Thanh C gặp lại anh T1 và nhận 60.000.000 đồng đã gửi. Tiếp theo Phan Thanh C đến thành phố Cà Mau và gặp anh Phạm Văn K mượn xe máy do anh K thuê của anh Nguyễn Văn Út X để đi Bạc Liêu gặp anh H1 trả nợ 25.000.000 đồng. Sau đó, Phan Thanh C dùng số tiền chiếm đoạt mua quần áo, nhẫn kim loại, cho một số người quen mượn, chi xài cá nhân, số còn lại khi bắt giữ thu được trên người của Phan Thanh C 30.570.000 đồng đã trả lại cho bị hại; một điện thoại Iphone 5 số IMEL 355676072364324, một sim số thuê bao 0941012712 và một giấy chứng minh nhân dân tên Phan Thanh Chiếm đã trả lại cho Phan Thanh C; một chiếc xe AIRBLADA biển kiểm soát 69B1-109.55 đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Út X và một nhẫn kim loại màu vàng có hột đỏ hình chữ nhật phía bên trong có khắc chữ A HOA và số 610 hiện tại được lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Ngọc Hiển. Số tiền Phan Thanh C chiếm đoạt đã trả lại đủ cho bị hại.

Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố bị cáo Phan Thanh C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh C thừa nhận hành vi lén lút trộm cắp của ông Phạm Nhật T và bà Trần Thị Ch số tiền 87.500.000 đồng là vi phạm pháp luật, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại xác định đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị H xác định có nhận giùm bị cáo giấy chứng minh nhân dân, điện thoại và bồi thường thay cho bị cáo phần tiền bị chiếm đoạt nhưng chị không đặt ra yêu cầu gì đối với bị cáo.

Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Thanh C từ 12 đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra, đề nghị xử lý tài sản còn thu giữ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc yêu cầu gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên được xác định là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh C đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông T và bà Ch số tiền 87.500.000 đồng, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và số tiền bị chiếm đoạt. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Phan Thanh C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 87.500.000 đồng của ông Phạm Nhật T và bà Trần Thị Ch đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo Phan Thanh C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiến truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo C nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi và muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Số tài sản bị cáo chiếm đoạt là của cha mẹ vợ bị cáo, đáng lẽ ra bị cáo phải cùng gia đình giữ gìn và bảo vệ nhưng ngược lại bị cáo không bảo vệ mà còn trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn vi phạm đạo đức xã hội nên cần phải được xử lý, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục và bồi thường xong về phần thiệt hại, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc, xem xét và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mặc dù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng xét về tài sản bị chiếm đoạt có giá trị lớn 87.500.000 đồng và để phục vụ nhiệm vụ

chính trị ở địa phương nên không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự theo ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát để xử phạt bị cáo mà áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định là tương xứng nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được khắc phục bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu tiếp tục bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản thu giữ trên người của bị cáo một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng được bỏ vào phong bì thư niêm phong có chữ ký và họ tên Phan Thanh C, đây là tài sản bị cáo dùng số tiền chiếm đoạt để mua sắm nhưng hiện tại phần tài sản bị chiếm đoạt đã được khắc phục bồi thường xong nên tài sản này tuyên trả lại cho bị cáo C theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Chiếc xe bị cáo mượn của anh Phạm Văn K được xác định là của Nguyễn Văn Út X hiện tại đã được trả lại cho chủ sở hữu và việc anh K cho bị cáo mượn xe không nhằm mục đích thực hiện tội phạm nên không đặt ra xem xét.

Đối với T1 đã có hành vi giữ dùm số tiền 60.000.000 đồng do bị cáo gửi nhưng anh T1 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Chị Nguyễn Thị H là mẹ ruột của bị cáo đã nhận thay bị cáo các giấy tờ, tài sản thu giữ của bị cáo nên bị cáo liên hệ với chị H để nhận lại. Số tiền chị H bồi thường thay cho bị cáo phía chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Những người bị cáo cho mượn tiền nhưng không biết là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với anh H1 là người bị cáo trả tiền nhưng chưa xác định được cụ thể địa chỉ và chưa làm việc được, khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên phạt bị cáo Phan Thanh C 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành tính từ ngày 24/01/2018.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Trả cho bị cáo Phan Thanh C một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng được bỏ vào phong bì thư niêm phong có chữ ký và họ tên Phan Thanh C hiện tại được lưu giữ tại Kho Bạc Nhà nước huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Chiếc xe bị cáo mượn của Phạm Văn K được xác định là của anh Nguyễn Văn Út X hiện tại đã được trả lại cho anh X nên không đặt ra xem xét.

Đối với Phan Vũ Tấn T1 đã có hành vi giữ dùm số tiền 60.000.000 đồng do bị cáo gửi nhưng anh T1 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Bị cáo được nhận lại các giấy tờ, tài sản do chị Nguyễn Thị H đang giữ dùm bị cáo. Số tiền chị H bồi thường thay cho bị cáo phía chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Những người bị cáo cho mượn tiền không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với anh H1 là người bị cáo trả tiền nhưng chưa xác định được cụ thể địa chỉ và chưa làm việc được, khi nào làm việc được có căn cứ sẽ xử lý sau.

Bị cáo Phan Thanh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải